TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và đòi lại tại sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung**
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Danh Hưởng**
Ông **Trần Văn Phước**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc ***"Tranh chấp ly hôn, nuôi con và đòi lại tài sản"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 2001;
Địa chỉ: ấp A, xã VPĐ, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái Đ, sinh năm 1993;
Địa chỉ: ấp A, xã VPĐ, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/02/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thái Đ xây dựng hôn nhân năm 2020, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VPĐ, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh Đ không chăm lo cho cuộc sống gia đình từ đó vợ chồng ly thân từ ngày 12/5/2021 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay chị và anh Đ có hàn gắn hôn nhân nhưng không thành, nay chị xác định không thể tiếp tục cuộc sống

hôn nhân với anh Đ được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Đ có hai người con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 13/12/2020 và Nguyễn Phúc A, sinh ngày 28/11/2021, hai con chung đang sống ổn định với chị nên yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai người con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra khi ly hôn chị yêu cầu anh Đ trả lại cho chị số tiền 4.500.000đ và 03 chỉ vàng 18K, đây là số tài sản riêng của chị có trước khi chị và anh Đ cưới nhau.

Bị đơn anh Nguyễn Thái Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian xây dựng hôn nhân, thống nhất anh và chị L có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, đúng là anh và chị L ly thân từ ngày 12/5/2021 đến nay, nguyên nhân ly thân là do vợ chồng cự cãi với nhau nên anh bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay. Nay tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh thống nhất với chị L về con chung như chị L trình bày. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh thì anh yêu cầu nuôi hai người con chung, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L, anh thống nhất với chị L là không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh và chị L sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Anh thừa nhận có nợ chị L số tiền 4.500.000đ và 03 chỉ vàng 18K, đây là tài sản riêng của chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu anh trả số tiền và vàng nêu trên thì anh đồng ý.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Anh Đ và chị L xây dựng hôn nhân năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hiện tại chị L cũng không còn tình cảm với anh Đ nên yêu cầu ly hôn với anh Đ, anh Đ không đồng ý, tuy nhiên anh Đ không có biện pháp nào hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị L được ly hôn với anh Đ. Đề nghị giao hai người con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 13/12/2020 và Nguyễn Phúc A, sinh ngày 28/11/2021cho chị L nuôi dưỡng, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu B, cháu A mỗi tháng số tiền 745.000đ/cháu cho đến khi hai

cháu tròn 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyêt. Buộc anh Đ có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền 4.500.000đ và 03 chỉ vàng 18K. Án phí chị L phải nộp 300.000đ, anh Đ phải nộp 300.000đ và án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị Nguyễn Thị Cẩm L yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Thái Đ, anh Đ có địa chỉ tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ thống nhất trình bày anh, chị xây dựng hôn nhân vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VPĐ, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân cách đây khoảng 01 năm, thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Quá trình thụ lý vụ án Tòa án cũng đã tổ chức cho chị L và anh Đ hòa giải để hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng nhưng chị L vẫn cương quyết ly hôn với anh Đ, anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng không còn biện pháp nào hàn gắn lại hôn nhân. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của chị L và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: Xét thấy chị L và anh Đ đều có nguyện vọng nuôi con chung. Tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy đinh *" Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con."*. Tính đến thời điểm xét xử cháu An và cháu Bảo chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó đề Đ bảo cuộc sống ổn định cho các cháu nên Hội đồng xét xử giao hai người con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình 2014 quy định *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Do đó chị L yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ được chấp nhận. Buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu B và cháu A mỗi tháng 745.000đ/cháu, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/5/2022) đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ và chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì được giải quyết thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[5] Ngoài ra khi ly hôn chị L yêu cầu anh Đ trả số tiền 4.500.000đ và 03 chỉ vàng 18K, tại phiên tòa anh Đ thừa nhận có nợ và đồng ý trả chị L số tiền và vàng nêu trên. Do đó ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ, buộc anh Đ có nghĩa vụ trả cho chị L 03 chỉ vàng 18K và số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

[6] Với những phân tích trên xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] *Về án phí:* Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị L phải nộp 300.000đ. Anh Đ phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng và 818.000đ án phí đối với yêu cầu đòi vàng và tiền của chị L được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm L được ly hôn với anh Nguyễn Thái Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 13/12/2020 và Nguyễn Phúc A, sinh ngày 28/11/2021 cho chị L được tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bảo và cháu An mỗi tháng 745.000đ/cháu, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/5/2022) đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

4. Tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Buộc anh Nguyễn Thái Đ có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm L 03 chỉ vàng 18K và số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

6. Về án phí*:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải nộp 300.000đ, chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005050 ngày 22 tháng 02 năm 2022 được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án. Buộc anh Nguyễn Thái Đ phải nộp án phí số tiền 1.118.000đ.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã VPĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Tạ Văn Cung